TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 20/12/2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Ông Hoàng Tuấn Anh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Lành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 22/2023/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị N, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố QT, Phường QT, thị xã Quế Võ, tỉnh BN.

Hiện đang ở: Thôn LT, xã DL, huyện YP, tỉnh BN.

- Bị đơn: Anh Phạm Đình B, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố QT, Phường QT, thị xã Quế Võ, tỉnh BN**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là chị Ngô Thị N trình bày: Chị và anh Phạm Đình B kết hôn với nhau từ tháng 7/2015 trên cơ sở tự nguyện và đăng kí kết hôn tại UBND xã QT, huyện Quế Võ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh B tại thôn QT. Khi kết hôn với anh B thì chị N mới học xong, chưa có việc làm nên anh B thường xuyên xúc phạm chị vì không làm ra tiền nhưng chị N vẫn nhẫn nhịn. Ngoài ra, anh B còn là người sống gia trưởng với vợ con. Tháng 02/2016 sau khi chị N sinh con được 01 tháng thì có xin đưa con về nhà bố mẹ chị tại YP ở. Từ đó cho đến khi con được 05 tháng tuổi anh B không lên thăm hỏi, quan tâm tới vợ con. Sau đó, anh B có lên xin đưa mẹ con chị về thì chị N có quay về nhưng thời gian chung sống vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn do vấn đề kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi nhau, chửi nhau. Chị N đã phải nhiều lần mang con về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng cũng đã nhiều lần sống ly thân. Chị cũng đã có nhiều lần gửi đơn ly hôn, mỗi lần như vậy sau khi được Tòa án và gia đình hòa giải thì chị lại rút đơn về, nhưng quá trình chung sống thì vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên khoảng giữa năm 2020 chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, và vợ chồng lại sống ly thân. Đầu năm 2021 chị N tiếp tục làm đơn xin ly hôn nhưng Tòa án nhân dân huyện Quế Võ không chấp nhận yêu cầu của chị, nên chị lại rút đơn. Tuy nhiên, từ đó đến nay vợ chồng không còn chung sống hay quan tâm gì tới nhau nữa. Nay chị N nhận thấy hôn nhân của chị và anh B đã không còn hạnh phúc từ lâu, vợ chồng cưới nhau được khoảng 08 năm thì chỉ chung sống với nhau được khoảng hơn 02 năm, còn lại là thời gian sống ly thân, chị không còn tình cảm gì với anh B nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Minh V, sinh ngày 17/01/2016. Do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và chị N đã nhiều lần phải mang con về nhà bố mẹ đẻ ở, nên từ nhỏ cháu V đã do chị N và bố mẹ chị chăm sóc. Năm 2020 khi vợ chồng ly thân chị có mang theo con về nhà bố mẹ đẻ, nhưng sau đó mấy tháng lợi dụng lúc chị đi làm thì anh B đã lên giành mang con về Quế Võ và cản trở không cho chị thăm con từ đó đến nay, chị N mang đồ gửi cho con thì anh B cũng vứt đi. Nếu ly hôn thì chị N đề nghị được nuôi cháu V và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang ở cùng với bố mẹ đẻ tại YP, chị N đang làm công nhân thu nhập trung bình khoảng 12 triệu đồng/tháng nên có đầy đủ điều kiện để nuôi con. Trong trường hợp anh B được nuôi cháu V thì chị N chỉ đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Chị N không đồng ý yêu cầu của anh B về việc trả 60.000.000 đồng tiền nuôi con trong thời gian vợ chồng sống ly thân, vì trong thời gian này chị vẫn thường xuyên thăm nom, chăm sóc.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn anh Phạm Đình B trình bày: Quá trình chung sống giữa anh và chị N chỉ có mâu thuẫn nhỏ nhặt trong nuôi dạy con cái và sinh hoạt hàng ngày, nên thỉnh thoảng xảy ra cãi nhau nhưng không có việc bạo lực gia đình. Những lần vợ chồng mâu thuẫn thì chị N lại tự bỏ nhà đi, sau đó anh động viên thì chị N lại quay về. Từ năm 2017 đến nay chị N nhiều lần làm đơn yêu cầu ly hôn anh, khi được Tòa án hòa giải thì chị N lại rút đơn. Tuy nhiên, từ đầu năm 2021 cũng vì mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày chị N lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ và tiếp tục làm đơn ly hôn anh. Tòa án nhân dân huyện Quế Võ đã không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, nhưng từ đó đến nay chị N vẫn không chịu về chung sống với anh B. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị N, mâu thuẫn quan điểm sống của hai bên đôi lúc chưa có sự thống nhất. Tuy nhiên, anh mong chị N quay về để nuôi dạy con cái, nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Minh V, sinh ngày 17/01/2016 hiện đang ở với anh. Nếu ly hôn anh B đề nghị được nuôi cháu V và yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng, Ngoài ra anh B còn yêu cầu chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V trong thời gian chị N bỏ đi tổng cộng 60 tháng x 1.000.000 đồng/tháng 60.000.000 đồng. Hiện nay anh B đang làm giáo viên trường THCS Bằng An, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng, nên có đầy đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chuẩn bị xét xử anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo đơn đề nghị 18/7/2023 anh B yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng anh gồm tiền mặt và các tài sản khác như xe máy, vàng, máy tính laptop. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số: 22/2023/HNGĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Quế Võ đã căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 186, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án, xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị N được ly hôn anh Phạm Đình B.

2. Về con chung: Giao cho anh B được nuôi cháu Phạm Minh V, sinh ngày 17/01/2016. Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu V mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày 20/7/2023 cho tới khi cháu V đủ 18 tuổi.

Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom cháu V mà không ai được cản trở.

Không chấp nhận yêu cầu của anh B về việc buộc chị N phải trả 60.000.000 đồng tiền nuôi con trong thời gian vợ chồng sống ly thân.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/7/2023, anh Phạm Đình B kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cho anh B và chị N về đoàn tụ. Trường hợp buộc phải ly hôn anh B đề nghị chị N cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 3.500.000 đến 4.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh B trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Chị Ngô Thị N và anh Phạm Đình B kết hôn với nhau từ tháng 7/2015 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã QT, huyện Quế Võ, việc kết hôn đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của anh B:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N trình bày quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là vấn đề kinh tế gia đình, khi cưới nhau chị N chưa có việc làm nên anh B thường xuyên cãi chửi nhau, ngoài ra anh B còn là người sống gia trưởng với vợ. Phía bên anh B trình bày vợ chồng có mẫu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt trong sinh hoạt hàng ngày, thỉnh thoảng

hay cãi vã nhưng không có việc bạo lực gia đình. Anh B xác định vẫn còn tình cảm với chị N và mong muốn chị N quay về đoàn tụ và nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống, chị N và anh B đã nhiều lần mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Chị N đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn anh B, khi được Tòa án hòa giải thì chị N tự nguyện rút đơn về đoàn tụ. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được giải quyết mà trầm trọng hơn. Cụ thể, năm 2021 Tòa án nhân dân huyện Quế Võ đã không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N nhưng từ đó đến nay chị N không quay về sống chung với anh B, chị N xác nhận không còn tình cảm với anh B nữa. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N và anh B. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của anh B về việc đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét để anh chị về đoàn tụ không được chấp nhận.

[3.2]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B kháng cáo đề nghị Tòa án buộc chị N phải cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 3.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng. Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm anh B xác nhận việc chi phí nuôi dạy cháu V hết khoảng 5.000.000đ/tháng. Như vậy, bản án sơ thẩm đã xem xét đến hoàn cảnh và điều kiện thu nhập của chị N nên đã tuyên buộc chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Minh V số tiền 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Do đó, kháng cáo của anh B không có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Đính B. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 22/2023/HNGĐ-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị N được ly hôn anh Phạm Đình B.

2. Về con chung: Giao cho anh B được nuôi cháu Phạm Minh V, sinh ngày 17/01/2016. Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu V mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày 20/7/2023 cho tới khi cháu V đủ 18 tuổi.

Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom cháu V mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001339 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quế Võ.

Anh Phạm Đình B phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận anh B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0001529 ngày 01/08/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quế Võ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BN;
- TAND thị xã Quế Võ;
- Chi cục THADS thị xã Quế Võ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính